

Số: 23 /2018/QĐST- DS

Cẩm thủy, ngày 17 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 166, 170 và 468 - Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 06/2018/TLST - DS ngày 10 tháng 04 năm 2018

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ng

Địa chỉ: Thôn B, xã Cẩm T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H

Địa chỉ: Thôn L, xã Cẩm T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đặng Thị M, ông Bùi Như Ý

Địa chỉ: Thôn L xã Cẩm, huyện C

Ông: Phan Thanh B – Trưởng Phòng kế hoạch Nông Trường Thạch Quảng, huyện Th
(Là người đại diện theo ủy quyền).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Ngọc H và Ông Nguyễn Văn Ng thừa nhận anh H có cho người chặt nhảm 90 cây keo đường kính trung bình từ 20-21cm của Ông Ng trồng trên đất

của Bà M. Nay anh H nhất trí bồi thường cho ông Ng trị giá 90 cây keo số tiền là 13.950.000đ (Mười ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)

Kể từ sau khi án có hiệu lực pháp luật ông Ng có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan Thi hành án ra quyết định, anh H chưa thi hành số tiền phải thi hành án, thì hàng tháng anh H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 –BLDS năm 2015, tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 147 – BLTTDS, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 6 Điều 19 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định là 348.500đ (Ba trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng). Nguyên đơn nhận nộp toàn bộ án phí DSST là 348.500.đ và được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0003637, ngày 06/04/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Ông Ng còn được trả lại 851.500đ (Tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm đồng).

Về chi phí thẩm định giá: Mỗi bên phải chịu 1.000.000đ, ông Ng được trừ vào số tiền đã nộp 2.000.000 tại Tòa án, anh H phải có nghĩa vụ nộp 1.000.000đ tại Chi cục thi hành án huyện C để trả cho ông Ng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự ;
- VKSND Cẩm thủy;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Đã ký

Vũ Văn Nga